TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2018/HN-ST
Ngày: 12-7-2018
V/v: "*Hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – BẾN TRE

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đặng Thị Ngọc Duyên.
- Các *Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Mai Văn Hải
2. Ông Hồng Chí Danh

- **Thư ký phiên Tòa**: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 12/7/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2018/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2018 về việc: "*Hôn nhân và gia đình*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2018/QĐXXST-HN ngày 28/6/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trần Thị Kim Y, sinh năm 1980; địa chỉ ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. *Bị đơn:* anh Lương Thanh L, sinh năm 1974; địa chỉ ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng có đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/5/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Kim Y trình bày:

Chị và anh L chung sống như vợ chồng từ năm 2003, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống với nhau, cả hai đều đã trải qua một lần hôn nhân bị tan vỡ. Thời gian đầu, hai bên chung sống hạnh phúc và sinh sống tại ấp 5, xã T, huyện T. Tuy nhiên, đến đầu năm 2017, hai bên thường xuyên bất hòa do bất đồng quan điểm, anh L không tin tưởng và thường ghen tuông vô cớ. Mặc dù hai bên còn sống chung một nhà nhưng thực tế đã ly thân từ tháng 6/2017 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm hai bên không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau nên chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị với anh L là vợ chồng. Con chung là Lương Thanh X, sinh ngày 03/11/2005 và Lương Thanh Đ sinh ngày 17/5/2008. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con, tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung: bốn con bò, một xe Future biển kiểm soát 71C2-40241, một xe Dream biển kiểm soát 71H7-7148, hiện chị không tranh chấp.

Nợ chung không có.

Theo bản tự khai ngày 07/6/2018 và trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Lương Thanh L trình bày:

Anh và chị Y chung sống như vợ chồng từ năm 2003, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian đi làm tại huyện Đ, chị Y có quan hệ bất chính với người khác. Từ khoảng tháng 7/2017, do anh ngăn cản không cho chị Y tiếp tục đi làm nên hai bên xảy ra mâu thuẫn. Thời gian này, anh đã có ý định khởi kiện yêu cầu ly hôn, nhưng do thương con nên anh tha thứ cho chị Y. Hiện anh biết chị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc để có thể trở lại Đ làm việc. Hiện tại, mặc dù không mong muốn gia đình đổ vỡ nhưng anh cũng đồng ý với yêu cầu của chị Y về việc yêu cầu Tòa án không công nhận chị Y với anh là vợ chồng. Con chung Lương Thanh X, sinh ngày 03/11/2005 và Lương Thanh Đ sinh ngày 17/5/2008, anh đồng ý giao cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Tài sản chung không tranh chấp. Nợ chung không có.

Tại phiên tòa:

- Chị Trần Thị Kim Y giữ nguyên trình bày, yêu cầu.
- Anh Lương Thanh L vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Bị đơn vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Y, thấy rằng: hai bên chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Con chung là Lương Thanh X, sinh ngày 03/11/2005 và Lương Thanh Đ sinh ngày 17/5/2008. Từ đầu năm 2017, do bất đồng quan điểm nên hai bên phát sinh mâu thuẫn. Hiện chị Y xác định không thể chịu đựng và tiếp tục sống chung với anh L. Do chị Y và anh L chung sống nhưng không đăng ký kết hôn nên áp dụng Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận anh L và chị Y là vợ chồng. Về con chung, xét yêu cầu của chị Y là phù hợp với nguyện vọng của hai con chung, phù hợp với quy định pháp luật tại các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Y, ghi nhận chị Y không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung không tranh chấp, nợ chung không có nên không đặt vấn đề xem xét.

Từ các lời trình bày trên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục: Tại phiên tòa, anh Lương Thanh L vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim Y và anh Lương Thanh L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không được công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Lương Thanh X, sinh ngày 03/11/2005 và Lương Thanh Đ sinh ngày 17/5/2008. Xét thấy, trong quá trình tố tụng, anh L không tranh chấp việc nuôi con, cả hai con chung đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ nên yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của chị Y là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận chị Y tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Hiện hai bên không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn nộp số tiền 300.000 đồng do thuộc hộ nghèo theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 14, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị Kim Y và anh Lương Thanh L là vợ chồng.

2. Con chung: Chị Trần Thị Kim Y có quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Lương Thanh X, sinh ngày 03/11/2005 và Lương Thanh Đ sinh ngày 17/5/2008. Ghi nhận chị Y tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lương Thanh L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con chung, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Tài sản chung: Hiện hai bên không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Nợ chung: Không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) do chị Trần Thị Kim Y thuộc diện hộ nghèo nên được miễn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện Ba Tri;*
- *THADS huyện Ba Tri;*
- *UBND xã T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Ngọc Duyên